ỦY BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:4601 /QĐ-UBND	*Hải Phòng, ngày* 02 *tháng* 11 *năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2027 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 1095/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2027 trên địa bàn thành phố Hải Phòng".

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn, kiểm tra việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa theo quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện với Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu căn cứ Kế hoạch ban hành kèm theo Quyết định này và nhu cầu chuyển đổi của người sử dụng đất trồng lúa, ban hành Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2027 trên địa bàn trước ngày 30 tháng 12 năm 2026, theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 226/2025/NĐ-CP; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa trên địa bàn quản lý; tổng hợp báo cáo kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa

trên địa bàn về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch, nếu có khó khăn, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu có ý kiến gửi về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) để nghiên cứu, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và Thủ trưởng các sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Lưu: VT, N.T.Hiếu.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Trần Văn Quân

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa năm 2027 trên địa bàn thành phố Hải Phòng

(Kèm theo Quyết định số…… /QĐ-UBND ngày … tháng… năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Đơn vị tính: ha

STT	Xã, phường, đặc khu	Tổng diện tích chuyển đổi	Đất chuyên trồng lúa	Đất lúa còn lại (01 vụ)
	Tổng số	**639,4506**	**635,09296**	**4,35764**
	- Trồng cây hàng năm	377,23686	377,23686	0
	- Trồng cây lâu năm	0,89	0	0,89
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	261,32374	257,8561	3,46764
	Trong đó:			
1	**Xã Nguyên Giáp**	**50**	**50**	**0**
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	50	50	0
2	**Phường Hưng Đạo**	**2,6547**	**2,6547**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	2,6547	2,6547	0
3	**Xã An Trường**	**3**	**3**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	2	2	0
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	1	1	0
4	**Phường Thiên Hương**	**4**	**4**	0
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	4	4	0
5	**Xã Chấn Hưng**	**25,7**	**25,7**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	10,7	10,7	0
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	15	15	0
6	**Xã Vĩnh Am**	**26,3**	**26,3**	**0**
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	26,3	26,3	0
7	**Phường An Dương**	**19**	**19**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	19	19	0
8	**Xã An Phú**	**5**	**5**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	5	5	0
9	**Xã Vĩnh Thuận**	**8**	**8**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	5	5	0
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	3	3	0

STT	Xã, phường, đặc khu	Tổng diện tích chuyển đổi	Đất chuyên trồng lúa	Đất lúa còn lại (01 vụ)
10	**Xã Kiến Hưng**	**0,4681**	**0,4681**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	0,4681	0,4681	0
11	**Phường Nam Đồ Sơn**	**4,99198**	**4,99198**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	3,79768	3,79768	0
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	1,1943	1,1943	0
12	**Xã Đường An**	**7,2361**	**7,2361**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	7,2361	7,2361	0
13	**Phường Lê Đại Hành**	**9,59**	**9,59**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	9,59	9,59	0
14	**Xã Kiến Minh**	**3**	**3**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	3	3	0
15	**Xã Lai Khê**	**5**	**5**	0
	- Trồng cây hàng năm	5	5	0
16	**Xã Kiến Hải**	**366,439**	**366,439**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	239,109	239,109	0
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	127,33	127,33	0
17	**Xã Trường Tân**	**5**	**5**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	5	5	0
18	**Xã Nghi Dương**	**0,9218**	**0,9218**	**0**
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	0,9218	0,9218	0
19	**Đặc khu Cát Hải**	**0,97**	**0,97**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	0,97	0,97	0
20	**Xã Nguyễn Bỉnh Khiêm**	**3,67892**	**0,21128**	**3,46764**
	- Trồng cây hàng năm	0,21128	0,21128	0
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	3,46764	0	3,46764
21	**Xã Kim Thành**	**8,5**	**8,5**	**0**
	- Trồng cây hàng năm	8,5	8,5	0
22	**Xã Tiên Minh**	**80**	**79,11**	**0,89**
	- Trồng cây hàng năm	50	50	0
	- Trồng cây lâu năm	0,89	0	0,89
	- Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản	29,11	29,11	0